SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 253 /QĐ-TTYT

Bù Đăng, ngày 06 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm:
Mua sắm bổ sung vật tư y tế, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 – 2027 cho Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC BÙ ĐĂNG

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tiếp nhận và tổ chức lại Trung tâm Y tế Bù Đăng trực thuộc Uỷ ban nhân dân huyện Bù Đăng thuộc tỉnh Bình Phước khi sáp nhập tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-SYT ngày 01/7/2025 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai về việc tiếp nhận và bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư 59/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Bộ

trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính Phủ về quản lý thiết bị y tế;

Căn cứ Công văn số 1328/SYT-NV ngày 12/02/2026 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai về việc tiếp tục tăng cường, chủ động triển khai công tác mua sắm thuốc, vật tư y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ-ĐU ngày 22/09/2026 của Đảng ủy bộ phận Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-TTYT ngày 04/11/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng về việc phê duyệt danh mục, số lượng và giá kế hoạch gói thầu: Mua sắm bổ sung vật tư y tế, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 – 2027 cho Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-TTYT ngày 05/11/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng về việc phê duyệt dự toán kinh phí mua sắm bổ sung vật tư y tế, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 – 2027 cho Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng;

Căn cứ Biên bản số 91/BB-HĐMS ngày 05/11/2026 của Hội đồng mua sắm về việc họp thông qua các nội dung trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung vật tư y tế, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 – 2027 cho Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng;

Theo đề nghị của Hội đồng mua sắm tại Tờ trình số 65/TTr-HĐMS ngày 05/11/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung vật tư y tế, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 – 2027 cho Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung vật tư y tế, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 – 2027 cho Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng.

Nội dung chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giao Hội đồng mua sắm, Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế, Phòng Hành chính tổng hợp và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT, Khoa Dược –VT, TBYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC BÙ ĐĂNG

BSCKII. Nguyễn Văn Thanh

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU: Mua sắm bổ sung vật tư y tế, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 – 2027 cho Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng.

(Kèm theo Quyết định số 253 /QĐ-TTYT ngày 06/11/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	**Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng**	Mua sắm bổ sung vật tư y tế, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 – 2027 cho Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng.	- Họp HĐKH thống nhất danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật - Họp HĐKH thống nhất giá kế hoạch - Lập KHLCNT, trình và phê duyệt KHLCNT. - Lập và đăng tải thông báo mời chào giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. - Nhà thầu tham gia chào thầu. - Ghi nhận kết quả đánh giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. - Trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.	**562.533.000 đồng**	Nguồn thu từ dịch vụ khám, chữa bệnh, bảo hiểm y tế và nguồn thu hợp pháp khác.	Chào giá trực tuyến rút gọn		10 ngày	Quý IV năm 2026	Theo đơn giá cố định	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng	Không đề xuất
Tổng giá kế hoạch gói thầu				**562.533.000 đồng**									

(Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng)

Phụ lục II

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG VÀ GIÁ KẾ HOẠCH GÓI THẦU

Mua sắm bổ sung vật tư y tế, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 – 2027 cho Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 253 /QĐ-TTYT ngày 06/11/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng)

STT	Tên hàng hóa (hoặc tương đương)	Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền
	I. Dung dịch rửa tay sát khuẩn					
1	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Chlorhexidine digluconate, Isopropanol, acid glacial acetic, Hydroxyethylcellulose, tinh chất lô hội.... - Nồng độ: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w),Isopropanol (<10%), acid glacial acetic (1%), Hydroxyethylcellulose 0,5%, tinh chất lô hội.... 2. Tính năng: Hệ dưỡng ẩm Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt C8-16 fatty alcohol glucoside. Laury Alcoho Ethoxylates, CDE, CAB. Polysaccharides. Dung dịch sát khuẩn tay phẫu thuật, phổ rộng. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO9001:2015; ISO13485:2016	Chai	50	73.900	3.695.000
	Tổng cộng (I):					**3.695.000**
	II. Băng bột bó					
2	Băng bột bó	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất 97%. - Kích thước: 10cm x 3,6m. 2. Tính năng công nghệ: - Không có chất phóng xạ,nấm mốc, vi khuẩn. - Thời gian cứng bột từ 2 phút 15 giây - 2 phút 40 giây. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cuộn	200	17.500	3.500.000
	Tổng cộng (II):					**3.500.000**

	III. Bông, gạc					
3	Bông viên y tế	Thông số kỹ thuật: - Đường kính 21mm (± 5mm). - Chất liệu: Bông xơ tự nhiên 100% cotton. 2. Tính năng, công nghệ: - Bông không lẫn tạp chất, dơ. - Đã qua quá trình loại bỏ chất béo và tẩy trắng. - Bông được tẩy bằng công nghệ Hydrogen Peroxide thân thiện môi trường, không tẩy bằng Clo. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Kg	50	236.250	11.812.500
4	Gạc Phẫu thuật	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Gạc được dệt từ sợi 100% cotton - Gạc phẫu thuật 40 x 30 x 8 lớp 2. Tính năng, công nghệ: Mật độ 19x20 sợi/inch. Tri số sợi CD 32/1. Trọng lượng 25.5 grams/m2. Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. Sợi cản quang được dệt trực tiếp trên bề mặt gạc. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Miếng	4.000	7.000	28.000.000
5	Gạc y tế tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Dệt từ sợi 100% cotton - Kích thước: 5cm x 6,5cm x 12lớp 2. Tính năng, công nghệ: Gạc phẫu thuật không ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi, màu trắng đồng nhất, không có độc tố. Chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1. Trọng lượng: 32g/m2 (± 5%) hoặc theo đơn hàng. Tốc độ hút nước ≤10s. Tiệt trùng bằng khí EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Miếng	2.000	459	918.000

6	Gạc y tế tiệt trùng 10cm x 10cm x 8 lớp	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100% - Kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp 2. Tính năng, công nghệ: Gạc y tế có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1. không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn. không mùi (không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng, chỉ có sợi bông, không tạp chất, không có loại sợi nào khác, đã tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Miếng	60.000	840	50.400.000
7	Gạc bông đắp vết thương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gạc y tế (vải không dệt ngấm như Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose), bông y tế (100% cotton từ lông hạt cây Bông) - Thông số: 8cm x 12cm. Tiệt trùng 2. Tính năng, công nghệ: - Bông gạc đắp vết thương có thành phần kết hợp từ 1 lớp bông y tế (bông hút nước) bên trong và 1 lớp Gạc y tế (gạc hút nước) bên ngoài. - Gạc y tế có vải phải đều. Vải không có mùi, màu trắng. - Bông y tế được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi. Sợi mảnh, mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt. Bông có màu trắng tự nhiên sau tẩy, không dùng chất tạo màu trắng. Tiệt trùng bằng khí EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Miếng	500	2.835	1.417.500
	Tổng cộng (III):					**92.548.000**
	IV. Vật tư phẫu thuật – Sản khoa – Thủ thuật					
8	Bộ điều kinh	Thông số kỹ thuật: - Phá bỏ (hút) thai nhỏ (sau chậm kinh khoảng 1-2 tuần) bằng bơm hút tay chân không, không sử dụng điện. - Điều trị sẩy thai không trọn hoặc sinh thiết nội mạc tử cung. - Thay thế an toàn cho các dụng cụ nạo thai khác. - Tiệt trùng bằng khí E.O.	Bộ	10	84.000	840.000

9	Túi đo lượng máu sau sinh	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Màng nhựa PE trong. - Kích thước: Đáy lớn 100 cm; Đáy nhỏ 80 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Hình thang vuông 2 lớp, cạnh xiên được ép nhựa. - Có vạch chia để đo dung tích máu sau sinh (từ 50 ml đến 2000 ml). - Tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	Cái	650	10.000	6.500.000
10	Chặn lưỡi (airway)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu nhựa. - Kích cỡ bên trong: 21mm x 26mm hoặc 13mm x 20mm. 2. Tính năng, công nghệ: Ngáng miệng có 2 loại: tiêu chuẩn dành cho người lớn và loại dành cho trẻ em.	Cái	300	5.760	1.728.000
11	Ống, dây cho ăn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PVC y tế - Thông số: Số 6,8,10, 12, 14, 16, 18,20, Độ dài ống tối thiểu 50cm 2. Tính năng, công nghệ: Trong suốt, không có DEHP, khử trùng bằng khí Gas	Sợi	80	3.500	280.000
12	Chỉ phẫu thuật	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	300	15.750	4.725.000

13	Chỉ phẫu thuật	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	350	27.000	9.450.000
	Tổng cộng (IV):					**23.523.000**
	V. Vật tư lấy máu, theo dõi đường huyết					
14	Túi máu đơn 250ml	Thể tích 250ml. Chứa chất chống đông CPDA-1 - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Cái	80	44.100	3.528.000
15	Kim chích máu	Kim chất liệu thép không gỉ, dạng tròn được vót cạnh sắc nhọn phù hợp với nhiều mẫu bút lấy máu. Tiệt trùng.	Cái	6.000	369	2.214.000
16	Que thử đường huyết	Test nhanh định lương Glucose trong máu mao mạch, tĩnh mạch. - Que đo dày dặn, chắc chắn, thiết kế vị trí cầm nắm riêng biệt, giúp dễ thao tác, tránh lây nhiễm. - Hiệu chuẩn đo lường: Huyết tương. - Mẫu máu đo được: Mao mạch, Tĩnh mạch, Động mạch, Sơ sinh. Đã bao gồm Kim chích máu, đặt máy miễn phí Đạt chuẩn ISO 13485:2016	Que	20.000	3.977	79.540.000

17	Ống mao quản hematocrit	Ống mao quản đo Hematocrit bằng thủy tinh, đóng gói trong lọ nhựa với nắp khóa có thể đóng lại để duy trì độ sạch. Kích thước ống: 75mm ± 0,02mm, Dung tích: 70-75µL. Tiệt trùng. 100 ống/lọ	Ống	5.000	420	2.100.000
	Tổng cộng (V):					**87.382.000**
	VI. Test nhanh Troponin I					
18	Test nhanh Troponin I	Test nhanh xác định tình trạng hoại tử cơ tim bằng Troponin I. - Test dạng cassette có thể thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương - Độ nhạy: ≥ 97,6%, độ đặc hiệu ≥ 99,4%. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Test	400	23.000	9.200.000
	Tổng cộng (VI):					**9.200.000**
	VII. Test ma túy tổng hợp 5 chân					
19	Test ma túy tổng hợp 5 chân	Test nhanh xét nghiệm định tính, phát hiện đồng thời 5 chất gây nghiện: Morphin, Codein, Heroin, Amphetamin và cần sa (MOP, Codein, Heroin, AMP, THC) trong nước tiểu. - Nồng độ ngưỡng phát hiện MOP là ≥ 300 ng/mL; Codein là ≥ 300 ng/mL; Heroin là ≥ 10ng/mL; AMP là ≥ 500 ng/ml; THC là ≥ 50 ng/ml . Độ chính xác: 99,90% . Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức nồng độ cao, thấp không có ảnh hưởng đến kết quả của test. Không phản ứng chéo với các cơ chất Acetylsalicylic acid; Tetracycline 7. Thời gian đọc kết quả: sau 5 phút và không quá 8 phút - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Test	5.000	35.835	179.175.000
	Tổng cộng (VII):					**179.175.000**

	VIII. Test nhanh định tính HBsAg					
20	Test nhanh định tính HBsAg	Định tính kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương của người - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: ≥ 98%, Độ đặc hiệu: ≥ 98% - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Test	10.000	16.351	163.510.000
	Tổng cộng (VIII):					**163.510.000**
	TỔNG (I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII): 20 MẶT HÀNG					**562.533.000**

(Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng)